

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HOÀ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HÒA**

Với phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bửu Nhuận**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **D**, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, thành phố R, tỉnh K. Có mặt.

* *Bị đơn*: Ông **T**, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, thành phố R, tỉnh K. Có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022, biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2022 nguyên đơn bà D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyền số 01 ngày 20 tháng 5 năm 1996. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên ăn nhậu về đánh đập bà nên bà không thể tiếp tục sống với ông T được nữa. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là cháu L, sinh ngày 27/3/1995; cháu P, sinh ngày 06/02/1997 và cháu A, sinh ngày 30/8/2004. Hai cháu L và P đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu Tòa án giao cháu A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2022 bị đơn ông Phạm Văn T trình

bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà D có đăng ký kết hôn và được UBND xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 quyển số 01 ngày 20 tháng 5 năm 1996, sau khi kết hôn thì vợ chồng ông sinh sống tại xã Cam Thành Nam từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có xích mích trong cuộc sống sau đợt dịch covid 19 năm 2021 đến nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý

- Về con chung: Ông và bà D có ba con chung là cháu L, sinh ngày 27/3/1995; cháu P, sinh ngày 06/02/1997 và cháu A, sinh ngày 30/8/2004. Ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu gì về con chung.

Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu giao con chung A cho ông nuôi dưỡng, hai cháu L và P đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có ý kiến: Không đồng ý ly hôn với nguyên đơn, nếu Tòa án cho ly hôn thì ông vẫn yêu cầu được nhận nuôi cháu A, sinh ngày 30/8/2004. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D; về con chung: Các con chung L và P đã thành niên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao con chung A, sinh ngày 30/8/2004 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: Bà D, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Ly hôn”, do bị đơn là ông Phạm Văn T cư trú tại xã Cam Thành Nam, thành phố Cam Ranh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/1996 tại UBND xã C, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, giữa hai vợ chồng có xảy ra xô xát. Tòa án thấy rằng giữa hai vợ chồng tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D, cho bà D ly hôn ông T để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông Phạm Văn T có ba con chung là cháu L, sinh ngày 27/3/1995; cháu P, sinh ngày 06/02/1997 và cháu A, sinh ngày 30/8/2004. Hai con chung L và P đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung A, cháu An có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con chung A cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Thi và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà D và ông Phạm Văn T.

1.2 Về con chung: Giao cháu A, sinh ngày 30/8/2004 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả

hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà D phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0007077 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Quy định:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cam Ranh;
- Chi Cục THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND xã Cam Thành Nam, Tp.Cam Ranh (số 20 ngày 20/5/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảy Nhuận